Tên: ……..

Lớp: S6…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini Test: ……..

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 2 & PRESENTATION

A. VOCABULARY

- Emotions & Reactions

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**thrilled (at)** (adj)	rất hào hứng; rất phấn khích (vì điều gì)	4	**laugh (at)** (v)	cười (vì)/cười nhạo ai/cái gì
2	**nasty** (adj)	xấu tính, khó chịu, gây tổn thương	5	**hostile** (adj)	thù địch, không thân thiện
3	**gasp in amazement** (phr.)	há hốc miệng vì kinh ngạc			

- Ideas & Creativity

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**genius** (n)	thiên tài	4	**think (of)** (v)	nảy ra ý tưởng, nhớ đến ai/điều gì, hoặc có ý kiến về cái gì
2	**creative** (adj)	sáng tạo	5	**think (about)** (v)	suy nghĩ kỹ, xem xét, cân nhắc điều gì đó
3	**invention** (n)	phát minh	6	**turn into** (phr.v)	biến thành, biến đổi

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**stride** (v)	sải bước	4	**out of sight** (phr.)	khuất tầm nhìn
2	**run a competition** (phr.)	tổ chức một cuộc thi	5	**sum up** (phr.v)	tổng kết, tóm tắt
3	**display** (v)	trưng bày			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**sightseeing** (n)	ngắm cảnh	4	**department store** (n)	cửa hàng bách hóa
2	**accessory** (n)	phụ kiện	5	**special offer** (n)	khuyến mãi đặc biệt
3	**terrible** (adj)	tệ, dở	6	**letterbox** (n)	hòm thư

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ đặc biệt.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. *She was absolutely _____ when she won first prize in the singing contest.*
   A. nasty *B. hostile* *C. thrilled* *D. stride*
1. When the boy saw the magician pull a rabbit out of the hat, he _____.
   A. run a competition B. gasped in amazement C. laughed at D. summed up

LIVEWORKSHEETS

2. The designer is very _____; she always brings new and exciting ideas to her work.
   A. creative B. hostile C. genius D. invention
3. The company will _____ to find the best young inventor this year.
   A. display B. run a competition C. stride D. turn into
4. The old factory will soon _____ a modern shopping centre.
   A. think of B. laugh at C. sum up D. turn into
5. The painting was so valuable that the owner kept it _____.
   A. out of sight B. nasty C. invention D. laugh at

II. Match the words/phrases with the correct definitions.

0. genius	*0- c*	a. something new that has been made or designed for the first time
1. nasty	1- ___	b. to have an idea or opinion in your mind; to consider something
2. invention	2- ___	*c. a person who is unusually intelligent or artistic, or who has a very high level of skill, especially in one area*
3. thrilled at	3- ___	d. to make sounds of amusement at someone or something, sometimes to make fun of them
4. think of	4- ___	e. very unpleasant, unkind, or offensive
5. laugh at	5- ___	f. very excited and happy about something

III. Fill in the blanks with the correct words/phrases in the box. Some words may not be used.

~~invention~~	stride	laughed at	sum up	genius	creative	displayed	hostile

Ben: Hey, Sarah. Did you see the science exhibition yesterday?

Sarah: Yes! They showed an amazing new ***(0) invention***.

Ben: Right. And the teacher called the student a real **(1)** _____ for making it.

Sarah: I also liked the way they **(2)** _____ the projects in the hall. It looked very professional.

Ben: True. And I saw James **(3)** _____ confidently across the stage to get his prize.

Sarah: At the end, the teacher tried to **(4)** _____ the whole event in just a few words.

Ben: Yeah, he said it was the best fair we've ever had. Nobody was **(5)** _____; everyone was smiling.

IV. Read Peter's list of things to do on Saturday. What did he do? What didn't he do?

Saturday
get up at 8.00! ✔
do my homework for Monday ✔
tell Mum about the concert ✔
get tickets for the concert ✗
buy some cat food for Cosmo and Bella ✗
send an email to David ✗
meet Harry (5.30) ✔

1 He got up at 8.00.
2 .....
3 .....
4 .....
5 .....
6 .....
7 .....

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-b1-preliminary-for-schools-test-4-part-1

PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.

1. What does the girl like to do when she is on holiday?

A ☐

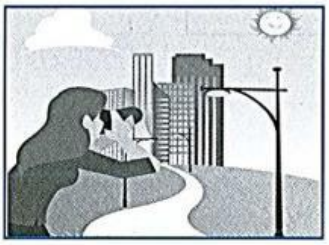

B ☐

C ☐

2. What are they going to do this evening?

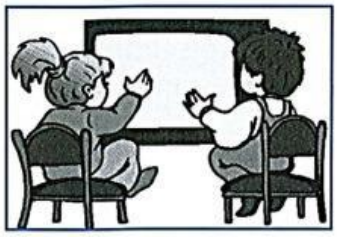

A ☐

B ☐

C ☐

3. How much did the girl pay for the pair of trainers?

A ☐

B ☐

C ☐

LIVEWORKSHEETS

4. What fruit did the boy's sister put in his lunch box in the end?

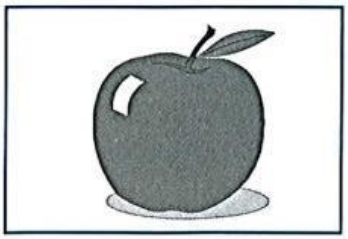

A

B

C

5. What will the boy need to buy for his holiday?

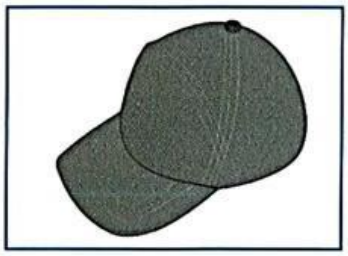

A

B

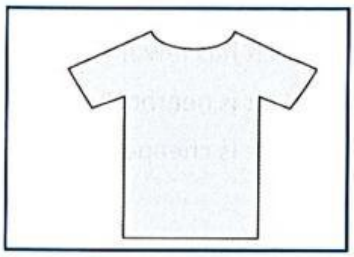

C

6. How will they communicate with each other?

A

B

C

7. Which instrument does the boy want to learn to play?

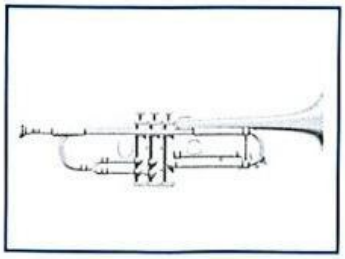

A

B

C

LIVEWORKSHEETS